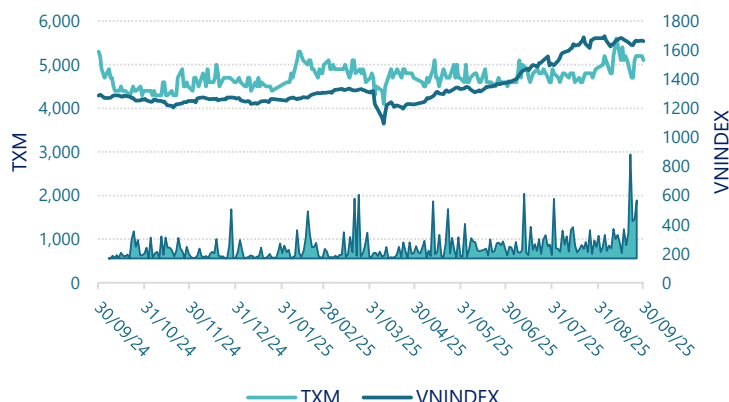


CTCP VICEM Thạch cao Xi măng (HNX: TXM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,100
SL cổ phiếu LH	7,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,000
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	36
P/E	42.9
EPS	119

DT thuần

Q3/25

48.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.6| -37.9%

YoY: ▼21.7| -30.9%

LN sau thuế

Q3/25

0.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.01| 8.8%

YoY: ▼0.21| -59.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.4%

+/- YoY: ▼0.1%

DT thuần

9T 2025

167

tỷ VNĐ

YoY: ▲1.00| 0.7%

LN sau thuế

9T 2025

0.36

tỷ VNĐ

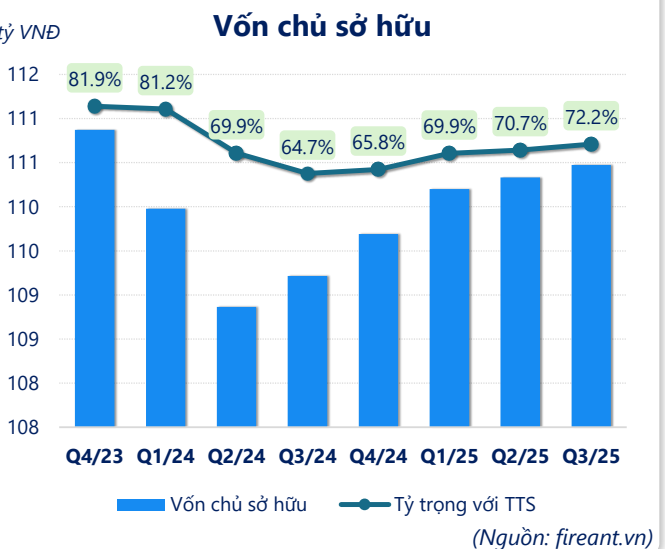
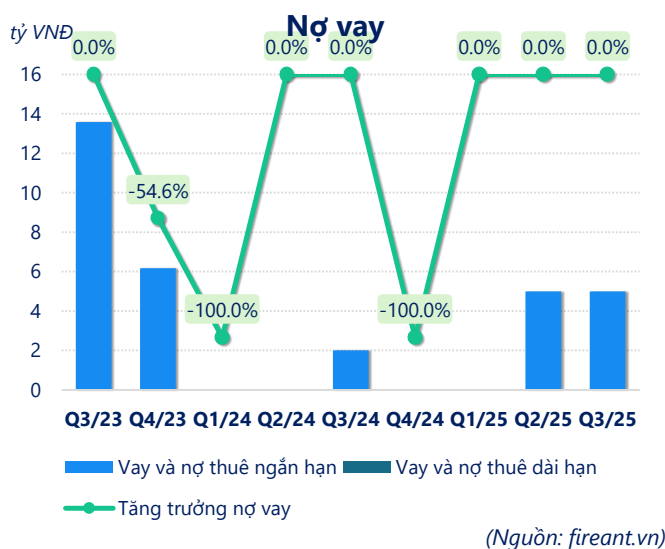
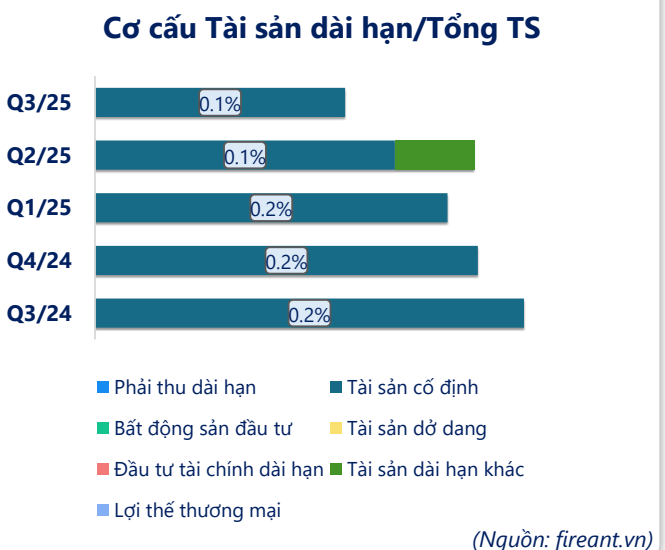
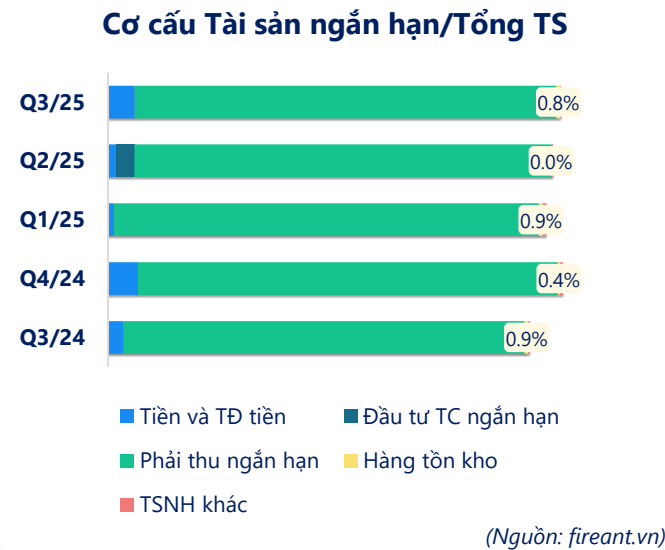
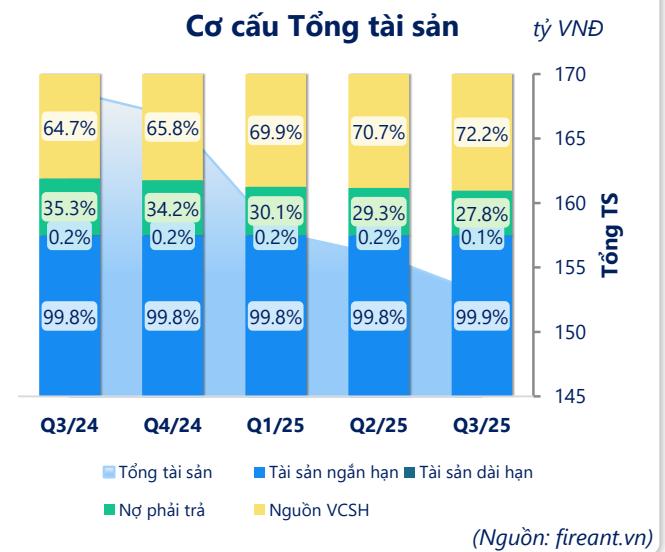
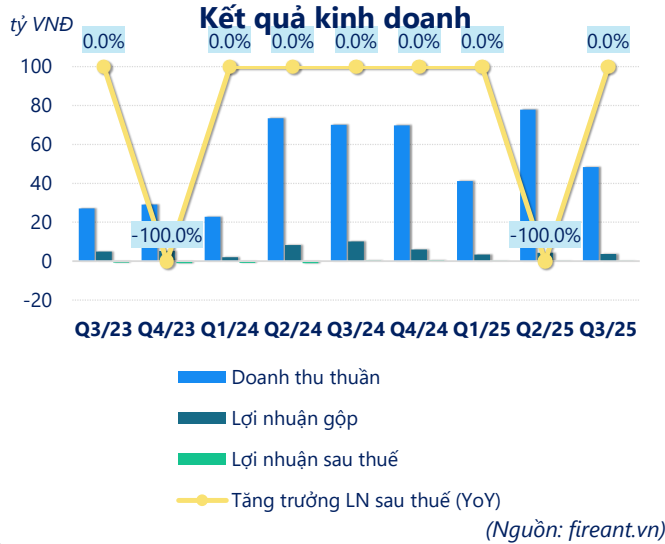
YoY: ▲2.02| 121%

ROE

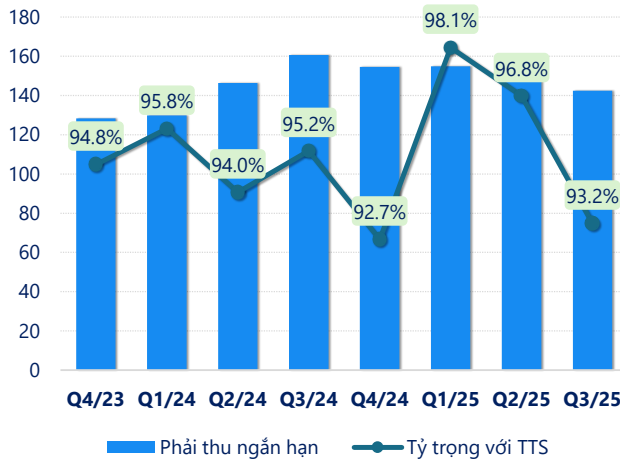
Q3/25

0.8%

+/- YoY: ▲3.2%

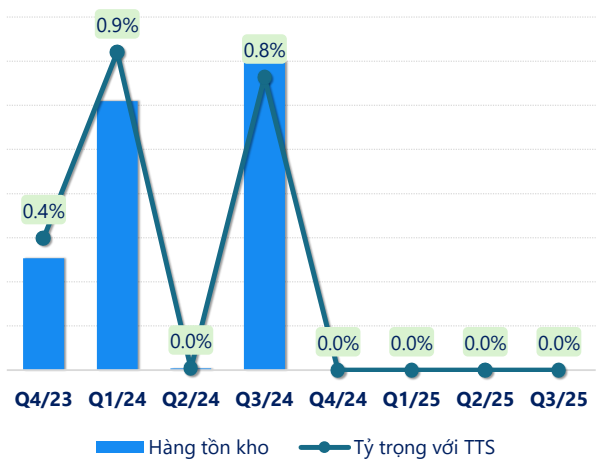


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


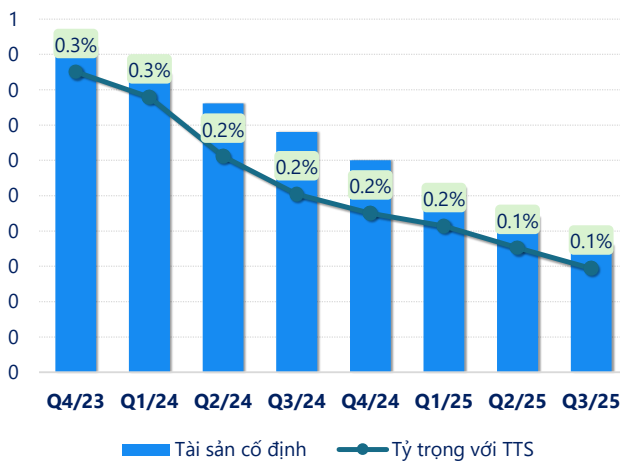
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


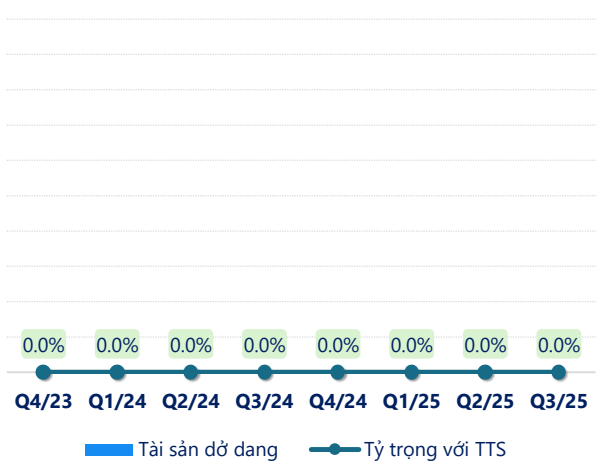
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

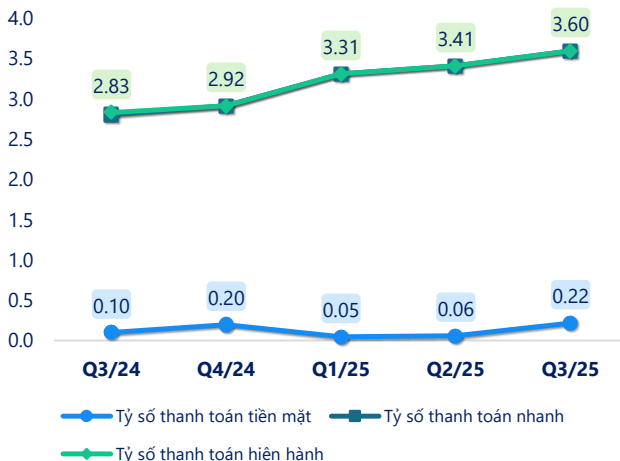
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

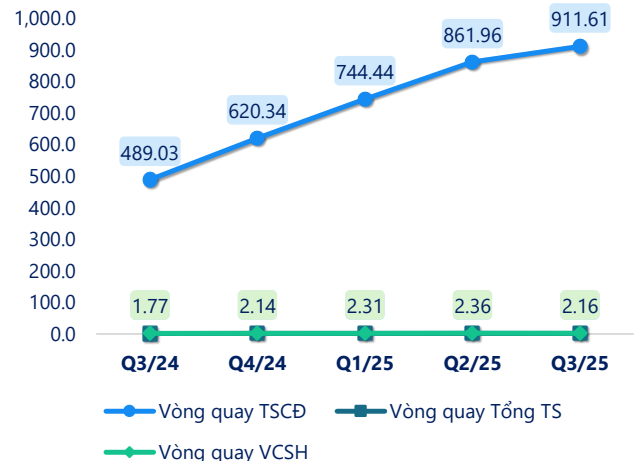
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	169	167	158	156	153
Tài sản ngắn hạn	168	166	157	156	153
Tiền và tương đương tiền	5.94	11.2	2.19	2.77	9.19
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	1.00	0
Phải thu ngắn hạn	161	155	155	151	142
Hàng tồn kho	1.40	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	0.64	0.49	1.00	1.10
Tài sản dài hạn	0.34	0.30	0.26	0.28	0.18
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.34	0.30	0.26	0.22	0.18
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0.06	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	59.5	57.1	47.5	45.7	42.5
Nợ ngắn hạn	59.5	57.1	47.5	45.7	42.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.00	0	0	5.00	5.00
Phải trả người bán ngắn hạn	55.4	54.7	46.3	39.9	36.1
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	109	110	110	110	110
Vốn chủ sở hữu	109	110	110	110	110
Vốn điều lệ	70.0	70.0	70.0	70.0	70.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)